

Số: 174/2026/QĐSTHNGĐ

Thành phố Huế, ngày 07 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Tổ F, phường T, thành phố H**.

- Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Tổ I, phường P, thành phố H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố H) vào ngày 10/3/2025 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của ông **Trần Văn T**, bà **Võ Thị C** trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C**.

[2] Về con chung: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** cùng công nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); mỗi

người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 03 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị Cẩm thuận T2** ly hôn.

- Về con chung: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** cùng công nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông **Trần Văn T**, bà **Võ Thị C** đã nộp theo biên lai số 0000832 ngày 19/03/2026 của Thi hành án dân sự **thành phố H**. Ông **Trần Văn T** và bà **Võ Thị C** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- UBND phường Thanh Thủy, thành phố Huế
(ĐKKH số 19/2025 ngày 10/3/2025 tại UBND
phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh
TT. Huế);
- Các đương sự;
- Lưu dán án;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hương Lan